TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 88/2020/HSST
Ngày 26 tháng 8 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Khánh; Bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Đ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2020/HSST ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức S - sinh ngày 31/3/2000 tại Đồng Nai; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; học vấn: 10/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Đức T – sinh năm 1968 và bà Trần Thị Y - sinh năm 1970; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không; được khởi tố tại ngoại đến nay "có mặt".

- *Bị hại:* Trần Thị D - sinh năm 1948 (tử vong).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị D: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1965 – Con của bà D.

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Y - sinh năm 1970

Trú tại: ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức S là người không có giấy phép lái xe mô tô. Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 20/01/2019, S điều khiển xe mô tô biển số 60T4-6276 có dung tích xi lanh 108cm^3, chở bạn gái là chị Trần Thanh Ngọc H lưu thông trên đường liên ấp Đồn Điền 2 – Đồn Điền 3 của xã Túc Trưng, huyện Đ theo hướng từ Quốc Lộ 20 đi Nông Trường cao su Túc Trưng. Trong lúc vừa điều khiển xe thì S vừa quay ra nói chuyện với chị H ngồi phía sau. Khi đi đến Km 00+450 thuộc ấp Đồn Điền 2, xã Túc Trưng, S phát hiện bà Trần Thị D đang đi bộ dưới lòng đường phía trước cùng chiều - cách xe S khoảng 50m – 60m. Do chủ quan, S quay mặt phía sau để nói chuyện với Hiếu mà không chú ý quan sát phía trước. Khi S quay lại nhìn đường thì khoảng cách với bà D chỉ còn khoảng 01 mét; do khoảng cách quá gần nên tay lái bên phải đụng vào phần thắt lưng bên trái của bà D. Hậu quả vụ tai nạn giao thông: Bà D té ngã xuống đường, bị thương tích ở đầu, mặt và hông, được đưa đi cấp cứu nhưng đã chết tại bệnh viện Đa Khoa Thống Nhất; Xe do S điều khiển bị ngã ra đường, hư hỏng nhẹ; S và chị H không thương tích gì.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng, mặt đường bê tông nhựa rộng 8m50, đường 2 chiều, không có vạch sơn tim đường. Hai bên đường có lề đường, mỗi bên rộng 3m.

Chọn trụ điện ký hiệu số 4225/01/16 làm điểm mốc, chọn mép đường bên phải theo hướng lưu thông Quốc lộ 20 – Nông trường cao su Túc Trưng làm chuẩn.

+ Xe mô tô biển số 60T4-6276 ngã sang bên phải, thân xe nằm trên mặt đường, đuôi xe hướng mép đường chuẩn, trục bánh xe trước và trục bánh xe sau cách điểm mốc là 16m60 và 17m30, trục bánh xe trước và trục bánh xe sau cách mép đường chuẩn là 2m80 và 1m60.

+ Vết phanh xe mô tô biển số 60T4-6276, toàn bộ vết phanh trên mặt đường, chiều hướng quốc lộ 20 – Nông trường cao su Túc Trưng, liền nét, dài 3m30, điểm đầu và điểm cuối vết phanh cách mép đường chuẩn là 1m00 và 1m05.

+ Vết cày xe mô tô biển số 60T4-6276, toàn bộ vết cày trên mặt đường, chiều hướng Quốc lộ 20 – Nông trường cao su Túc Trưng, vết cày đứt quảng, dài 2m10, điểm đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 1m30 và cách điểm cuối vết phanh là 0m80, điểm cuối vết cày tiếp giáp với thân xe mô tô biển số 60T4-6276.

Căn cứ bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 023/TT/2019 ngày 30/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai, kết luận nguyên nhân chết của bà Trần Thị D là do chấn thương sọ não gây vỡ sọ phức tạp vùng đỉnh thái dương chẩm trái có mảnh rời, tụ máu dưới màng cứng bán cầu trái, dập não xuất huyết (bút lục số 35-36).

- Đại diện gia đình nạn nhân là ông Lê Thanh H yêu cầu bị cáo S phải bồi thường tiền viện phí, mai táng và tổn thất tinh thần tổng cộng 60.000.000đ. Bà

Trần Thị Y (là mẹ ruột bị cáo) đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 20.000.000đ nên ông H tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm 40.000.000đ.

- Xe mô tô biển số 60T4 – 6276 không có giấy chứng nhận đăng ký xe: Qua xác minh, xe chính chủ là chị Trần Thị Thúy P, chị P khai đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch. Do vậy, Cơ quan điều tra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng hiện chưa có kết quả.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS-ĐQ ngày 13/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức S về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định dung tích xilanh xe mô tô biển số 60T4 – 6276.

Tại Công văn số 189/CV-VKS ngày 29/7/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ xác định: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trưng cầu giám định dung tích xi lanh xe mô tô biển số 60T4 – 6276 tại Phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai và Trung tâm đăng kiểm cơ giới huyện Đ. Tuy nhiên, Phòng Kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai và Trung tâm đăng kiểm cơ giới huyện Đ đều trả lời là không có chức năng giám định. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 54/CT-VKS-ĐQ ngày 13/6/2019.

Tại phiên tòa hôm nay, việc tranh tụng, đối đáp diễn ra như sau:

1/ Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đ theo quy định pháp luật.

2/ Bị cáo Nguyễn Đức S xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đ.

Những người tham gia tố tụng khác không tham gia tranh luận, đối đáp.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức S và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ để kết tội đối với bị cáo:

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án và Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ 03 lần tiến hành trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Cơ quan điều tra - Công an huyện Đ yêu cầu điều tra bổ sung những nội dung trên, kết quả như sau:

Cơ quan điều tra đã tiến hành ra Quyết định trưng cầu giám định số 74/CSĐT ngày 06/01/2020 gửi Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai và ra Quyết định trưng cầu giám định số 75/CSĐT ngày 21/7/2020 gửi Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đồng Nai để trưng cầu giám định dung tích xi – lanh của xe mô tô biển số 60T4 – 6276 gây tai nạn. Kết quả: Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai và Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới chi nhánh huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, trả lời các cơ quan chức năng trên không có chức năng, thẩm quyền, chuyên môn giám định về dung tích xi – lanh của xe mô tô biển số 60T4 – 6276 gây tai nạn và không xác định được Cơ quan nào có chức năng nhiệm vụ trên.

Quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và mời người có chuyên môn trực tiếp kiểm tra xe mô tô biển số 60T4 – 6276 để xác định dung tích xilanh của xe mô tô trên. Sau khi xem xét, quan sát trực tiếp tại nòng máy của xe mô tô biển số 60T4 – 6276 cho thấy xe có dung tích xilanh là 108cm^3. Kết quả trên là đúng với thông tin về dung tích xilanh của xe mô tô mà phiếu xác minh nguồn gốc xe Cơ quan điều tra đã thu thập trước đây, bên cạnh đó còn thu thập thêm được một số giấy tờ xác minh nguồn gốc xe thể hiện dung tích xilanh của xe mô tô trên trùng khớp với kết quả kiểm tra (BL 142 – 145; 168 - 173). Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Xe mô tô biển số 60T4 – 6276 nhãn hiệu Backhand màu xanh số khung VPJWCH014PJ092527, số máy VPJL1P50FMH092527 bị cáo Nguyễn Đức S điều khiển có dung tích xilanh là 108cm^3.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức S đã khai nhận tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, kết luận giám định pháp y và các chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án nên hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 20/01/2019, tại Km 00+450 thuộc đường liên ấp Đồn Điền 2 – 3 xã Túc Trưng, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Đức S – không có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô biển số 60T4-6276 có dung tích xilanh 108cm^3 đã chủ quan, thiếu quan sát nên đụng vào người bà Trần Thị D đang đi bộ phía trước cùng chiều làm bà D chấn thương sọ não dẫn đến tử vong.

Hành vi do bị cáo Nguyễn Đức S thực hiện đã vi phạm điều cấm của Luật giao thông đường bộ, theo khoản 9, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ là *"Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định"* và *"Hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ.* Hậu quả việc vi phạm Luật giao thông dẫn đến cái chết của bà Trần Thị D - là hậu quả nghiêm trọng, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" với tình tiết định khung hình phạt "Không có giấy phép lái xe"

theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Đức S là đúng người, đúng tội.

[3] Mức độ nguy hiểm của hành vi:

Xét thấy: Tình hình tai nạn giao thông hiện nay đang có chiều hướng gia tăng, gây thiệt hại lớn về tài sản và tính mạng của con người, trong vụ án này, hành vi vi phạm quy tắc an toàn giao thông đường bộ của bị cáo Nguyễn Đức S đã gây ra cái chết của bà Trần Thị D, gây mất mát, đau thương cho gia đình người bị hại, không gì có thể bù đắp được. Do đó cần phải có một mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức chấp hành đúng các quy tắc giao thông và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét về lỗi trong vụ án này thì bị cáo Nguyễn Đức S có lỗi chính vì điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh 109cm^3 lại chủ quan, thiếu quan sát; khi phát hiện bà Trần Thị D đang đi bộ dưới lòng đường khoảng cách 50m – 60m, bị cáo đã chủ quan, không nhìn đường để xử lý tình huống mà quay mặt phía sau để nói chuyện đến khi khoảng cách quá gần không xử lý kịp đã gây ra tai nạn. Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn giao thông là đường có lề đường (vỉa hè) dành cho người đi bộ, thế nhưng, bà Trần Thị D không đi trên lề đường mà đi vào lòng đường dành cho xe cơ giới, thô sơ lưu thông là đã vi phạm khoản 1 Điều 32 Luật giao thông đường bộ nên bà D cũng có một phần lỗi.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Đức S không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo S thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn hối cải; sau tai nạn đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt, bị hại cũng có một phần lỗi nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Đại diện gia đình nạn nhân là ông Lê Thanh H yêu cầu bị cáo S phải bồi thường tiền viện phí, mai táng và tổn thất tinh thần tổng cộng 60.000.000đ. Bà Trần Thị Y đã bồi thường thay cho bị cáo số tiền 20.000.000đ nên anh H yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 40.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000đ nên được ghi nhận.

- Đối với xe mô tô biển số 60T4 – 6276 không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Bị cáo S khai mua lại xe từ một thương lái (không rõ là ai) chưa sang tên và có giấy tờ mua bán nhưng đã làm mất. Qua xác minh, xe chính chủ là chị Trần Thị Thúy P, chị P khai đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch. Tại Thông

báo số 169/TB-CSĐT ngày 15/4/2019, Cơ quan điều tra thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng hiện chưa có kết quả. Xét thấy, Điều 228 Bộ luật dân sự có quy định: Nếu sau 01 năm kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được chủ sở hữu thì tài sản là bất động sản sẽ được sung quỹ nhà nước. Do từ ngày thông báo đến nay đã quá 01 năm nên chiếc xe mô tô 60T4 – 6276 nhãn hiệu Backhand màu xanh số khung VPJWCH014PJ092527, số máy VPJL1P50FMH092527 đươcj sung quỹ nhà nước.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 228, 585, 587, 590, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức S phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đức S có nghĩa vụ bồi thường cho bà Trần Thị D số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Sung quỹ nhà nước chiếc xe mô tô 60T4 – 6276 nhãn hiệu Backhand màu xanh số khung VPJWCH014PJ092527, số máy VPJL1P50FMH092527 (xe đang do Cơ quan điều tra Công an huyện Đ quản lý theo biên bản thu giữ tang vật ngày 20/01/2019 - BL 42).

5/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 2.000.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Nguyễn Đức S, bà Trần Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai.
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.
- VKSND huyện Đ.
- Công an huyện Đ.
- Chi cục THA huyện Đ.
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Lê Xuân Hòa